BẢN SỐ: 01

THỜI HẠN BẢO VỆ BMNN
Từ ngày 31 tháng 12 năm 2029 đến ngày 07 tháng 01 năm 2025

BỘ GIÁO DỤC VÀ ĐÀO TẠO
THANH TRA

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Số: 37 /KL-TTr

Hà Nội, ngày 31 tháng 12 năm 2024

MẬT

KẾT LUẬN THANH TRA
Về việc thanh tra Dự án "Đầu tư và nâng cấp hệ thống thư viện của Trung tâm Thông tin - Học liệu và các cơ sở giáo dục đại học thành viên thuộc Đại học Đà Nẵng"

Thực hiện Quyết định số 07/QĐ-TTr ngày 08/01/2024 của Chánh Thanh tra Bộ Giáo dục và Đào tạo (GDĐT) về thanh tra Gói thầu số 2 "Dự án đầu tư và nâng cấp hệ thống thư viện của Trung tâm Thông tin Học liệu và các cơ sở giáo dục đại học thành viên thuộc Đại học Đà Nẵng" do Đại học Đà Nẵng làm chủ đầu tư, từ ngày 16/01/2024 đến ngày 19/01/2024 Đoàn thanh tra tiến hành thanh tra trực tiếp tại Đại học Đà Nẵng (ĐHĐN) và 05/09 đơn vị thụ hưởng Dự án[1].

Xét Báo cáo kết quả thanh tra ngày 28/5/2024 của Trưởng đoàn thanh tra và ý kiến chỉ đạo của Lãnh đạo Bộ tại Tờ trình số 26/TTr-ĐTTr ngày 11/12/2024, Thanh tra Bộ GDĐT kết luận thanh tra như sau:

A. KHÁI QUÁT CHUNG

I. THÔNG TIN VỀ ĐẠI HỌC ĐÀ NẴNG

1. ĐHĐN được thành lập theo Nghị định số 32/CP ngày 04/4/1994 của Chính phủ trên cơ sở hợp nhất và tổ chức lại các trường đại học, cao đẳng và trung học chuyên nghiệp công lập trên địa bàn[2]. Trụ sở chính của ĐHĐN tại số 41 Đường Lê Duẩn, quận Hải Châu, thành phố Đà Nẵng.

2. Về cơ cấu bộ máy, nhân sự

- ĐHĐN gồm: Hội đồng Đại học có 26 người (Chủ tịch; 01 Thư ký và 24 thành viên); Ban Giám đốc có 04 người (Giám đốc và 03 Phó Giám đốc); Văn phòng và 08 Ban có chức năng tham mưu trực tiếp cho Ban Giám đốc. Các đơn vị trực thuộc gồm: 06 Trường ĐH thành viên[3]; 01 Phân hiệu ĐHĐN tại Kon Tum; 35 trung tâm nghiên cứu, ứng dụng và chuyển giao công nghệ; 40 nhóm nghiên cứu - giảng dạy (TRT).

---

[1] Trung tâm Thông tin - Học liệu và Truyền thông (trước đây là Trung tâm Thông tin - Học liệu), Trường ĐH Bách Khoa, Trường ĐH Kinh tế, Trường ĐH Sư phạm Kỹ thuật, Trường ĐH Sư phạm.

[2] Trường Đại học Bách khoa Đà Nẵng; Cơ sở Đại học Sư phạm Ngoại ngữ Đà Nẵng; Trường Cao đẳng Sư phạm Đà Nẵng và Trường Công nhân Kỹ thuật Nguyễn Văn Trỗi.

[3] Trường ĐH Sư phạm kỹ thuật (Trước đây là Trường Cao đẳng Công nghiệp); Trường ĐH Bách Khoa; Trường ĐH Công nghệ Thông tin và Truyền thông Việt Hàn (Trước đây là Trường Cao đẳng Công nghệ Thông tin); Trường ĐH Ngoại ngữ; Trường Đại học Sư phạm; Trường ĐH Kinh tế.

- Về đội ngũ viên chức: Tại thời điểm thanh tra, ĐHĐN có 2.544 viên chức và người lao động, trong đó có 1.611 giảng viên[4].

II. THÔNG TIN VỀ DỰ ÁN

1. Dự án "Đầu tư và nâng cấp hệ thống thư viện của Trung tâm Thông tin - Học liệu và các cơ sở giáo dục thành viên thuộc ĐHĐN" (sau đây gọi tắt là Dự án) do ĐHĐN làm chủ đầu tư. Việc quản lý, khai thác, sử dụng sản phẩm của Dự án sau đầu tư được ĐHĐN giao cho Trung tâm Thông tin - Học liệu và Truyền thông, Thư viện là đơn vị đầu mối, phối hợp với các đơn vị thụ hưởng (06 Trường ĐH thành viên, 01 Phân hiệu tại tỉnh Kon Tum) thực hiện.

2. Quy mô đầu tư

Đầu tư Hệ thống phần mềm quản lý thư viện tích hợp tập trung Aleph và Primo của Tập đoàn Ex Libris (Israel); hệ thống máy chủ và 50 máy tính bàn phục vụ cho hoạt động quản lý thư viện của Trung tâm Thông tin - Học liệu và Truyền thông (TTHL&TT) và 09 Thư viện của các đơn vị thành viên thuộc ĐHĐN, với tổng mức đầu tư: 20.202.500.000 đồng, được lấy từ nguồn Kinh phí không thường xuyên NSNN và vốn tự bổ sung của ĐHĐN; theo hình thức: Chủ đầu tư trực tiếp quản lý dự án; Thời gian thực hiện dự án: Từ năm 2016-2018.

3. Nhân sự tham gia thực hiện Dự án

Có 21 người tham gia thực hiện Dự án đang công tác tại các đơn vị[5].

B. KẾT QUẢ KIỂM TRA, XÁC MINH

I. VIỆC ÁP DỤNG VÀ BAN HÀNH VĂN BẢN

1. Áp dụng văn bản

a) Văn bản trong việc tổ chức thực hiện

Chủ đầu tư (ĐHĐN) đã tổ chức thực hiện Dự án theo Luật Đầu tư công năm 2014, Nghị định số 136/2015/NĐ-CP ngày 31/12/2015 của Chính phủ hướng dẫn thi hành một số điều của Luật Đầu tư công (Nghị định số 136) và các văn bản khác có liên quan.

Đây là Dự án có tính chất ứng dụng công nghệ thông tin (CNTT), sử dụng nguồn vốn ngân sách nhà nước (NSNN). Căn cứ theo mục tiêu và quy mô đầu tư, Dự án được phân loại là nhóm B theo quy định tại khoản 1 Điều 4 và Phụ lục 1 Nghị định số 102/2009/NĐ-CP ngày 06/11/2009 của Chính phủ về quản lý đầu tư ứng dụng CNTT sử dụng nguồn vốn NSNN (Nghị định số 102). Vì vậy, Dự án thuộc phạm vi điều chỉnh theo

---

[4] Trong đó có: 07 Giáo sư, 120 Phó Giáo sư và 807 Tiến sĩ khoa học/Tiến sĩ.

[5] Ban Giám đốc ĐHĐN (02 người); Ban Cơ sở vật chất (03 người); Ban Kế hoạch - Tài chính (03 người); Tổ Quản trị mạng (01 người); Trung tâm Thông tin Học liệu (Trung tâm TT&TT) (02 người); Trường ĐH Sư phạm kỹ thuật (Trường CĐCN cũ) (03 người); Trường ĐH Bách Khoa (03 người); Trường ĐH CNTT&TT Việt Hàn (Trường Cao đẳng Công nghệ Thông tin) (01 người); Trường ĐH Ngoại ngữ (01 người); Trường Đại học Sư phạm (01 người); Phân hiệu ĐHĐN tại KonTum (01 người).

quy định tại điểm a, c khoản 1 Điều 1[6] Nghị định số 102. Như vậy, ĐHĐN triển khai thực hiện Dự án là chưa phù hợp với Nghị định số 102.

b) Văn bản áp dụng trong việc tổ chức đấu thầu

Thời điểm tổ chức triển khai đấu thầu các gói thầu liên quan Dự án, Chủ đầu tư áp dụng Luật Đấu thầu năm 2013; Nghị định số 63/2014/NĐ-CP ngày 26/6/2014 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Đấu thầu về lựa chọn nhà thầu (Nghị định số 63); Thông tư số 10/2015/TT-BKHĐT ngày 26/10/2015 của Bộ trưởng Bộ Kế hoạch và Đầu tư (KHĐT) quy định chi tiết về kế hoạch lựa chọn nhà thầu (Thông tư số 10); Thông tư số 05/2015/TT-BKHĐT ngày 16/06/2015 của Bộ trưởng Bộ Kế hoạch - Đầu tư ban hành quy định chi tiết lập hồ sơ mời thầu mua sắm hàng hóa (Thông tư số 05); Thông tư số 19/2015/TT-BKHĐT ngày 27/11/2015 của Bộ trưởng Bộ Kế hoạch - Đầu tư ban hành quy định chi tiết lập báo cáo thẩm định trong quá trình tổ chức lựa chọn nhà thầu (LCNT) là phù hợp theo quy định của pháp luật.

c) Văn bản sử dụng trong việc nghiệm thu

Giai đoạn nghiệm thu, ĐHĐN thực hiện theo Nghị định số 46/2015/NĐ-CP ngày 12/5/2015 của Chính phủ về quản lý chất lượng và bảo trì công trình xây dựng (Nghị định số 46) và Thông tư số 26/2016/TT-BXD ngày 26/10/2016 ban hành quy định chi tiết một số nội dung về quản lý chất lượng và bảo trì công trình xây dựng (Thông tư số 26) là chưa bảo đảm theo trình tự, thủ tục quy định tại Nghị định số 102 và Thông tư 28/2010/TT-BTTTT của Bộ Thông tin và Truyền thông quy định nội dung giám sát thi công dự án ứng dụng CNTT sử dụng nguồn vốn NSNN (Thông tư số 28).

2. Việc ban hành văn bản

a) Văn bản của Đảng ủy ĐHĐN

Đảng ủy ĐHĐN đã ban hành 01 Báo cáo[7] và 04 Nghị quyết[8]. Trong đó, 03 Nghị quyết ban hành có nội dung "Hoàn thành dự án đầu tư trang thiết bị xây dựng hệ thống thư viện toàn hệ thống ĐHĐN"; 01 Nghị quyết có nội dung nhưng không thể hiện rõ nội dung chỉ đạo về triển khai thực hiện Dự án "... Quản lý và điều hành hệ thống thư viện các CSGDĐH thành viên trong ĐHĐN theo chuẩn thống nhất".

b) Văn bản của ĐHĐN

---

[6] "Các dự án ứng dụng công nghệ thông tin sử dụng nguồn vốn ngân sách nhà nước do các Bộ, cơ quan ngang Bộ, cơ quan thuộc Chính phủ, ... quản lý"; "Dự án ứng dụng công nghệ thông tin sử dụng hỗn hợp nhiều nguồn vốn khác nhau trong đó vốn ngân sách nhà nước chiếm tỷ lệ từ 30% trở lên hoặc lớn nhất trong tổng mức đầu tư của dự án".

[7] Báo cáo số 59-BC/ĐU ngày 03/4/2015 Báo cáo chính trị của Ban Chấp hành Đảng bộ Cơ quan ĐHĐN, khóa VI trình Đại hội lần thứ VII, nhiệm kỳ 2015 - 2020.

[8] Nghị quyết số 10-NQ/ĐU ngày 02/02/2016 của Ban chấp hành (BCH) đảng bộ cơ quan ĐHĐN về phương hướng, nhiệm vụ năm 2016; Nghị quyết số 41-NQ/ĐU ngày 07/4/2016 về công tác tháng 4/2016; Nghị quyết số 50-NQ/ĐU ngày 11/5/2016 về công tác tháng 5/2016; Nghị quyết số 66-NQ/ĐU ngày 06/6/2016 về công tác tháng 6/2016.

ĐHĐN và TTHL&TT ban hành 07 văn bản[9] chỉ đạo, triển khai thực hiện Dự án "Đầu tư và nâng cấp Hệ thống thư viện của Trung tâm Thông tin Học liệu và các cơ sở giáo dục đại học thành viên thuộc ĐHĐN".

II. TỔ CHỨC ĐẦU TƯ

1. Công tác quản lý Dự án

Chủ đầu tư trực tiếp quản lý Dự án nhưng không có văn bản phân công cụ thể cho tập thể, cá nhân trực tiếp quản lý Dự án theo quy định tại khoản 2 Điều 56 Nghị định số 102.

2. Giai đoạn chuẩn bị đầu tư

a) Lập, thẩm định, phê duyệt chủ trương đầu tư

ĐHĐN không lập, thẩm định, phê duyệt chủ trương đầu tư trước khi lập Dự án theo quy định của khoản 2 Điều 5 Nghị định số 102[10]. Tuy nhiên, tại thời điểm triển khai Dự án, Bộ KHĐT có Công văn số 1101/BKHĐT-TH ngày 02/03/2015 về việc hướng dẫn phê duyệt chủ trương và quyết định đầu tư chương trình, dự án đầu tư công. Theo đó, tại điểm e khoản 2 mục 2 Chương I Công văn số 110[11] nêu rõ, đối với các dự án sử dụng toàn bộ vốn sự nghiệp có tính chất đầu tư thì không phải lập, thẩm định và phê duyệt chủ trương đầu tư trước khi lập dự án. Vì vậy, ĐHĐN không tổ chức lập, trình thẩm định, phê duyệt chủ trương đầu tư đối với Dự án này là phù hợp.

b) Khảo sát phục vụ lập Dự án:

ĐHĐN đã tiến hành khảo sát, đánh giá hiện trạng và nhu cầu thực tế tại đơn vị thụ hưởng (thể hiện trong thuyết minh Dự án), tuy nhiên chưa thực hiện bảo đảm đầy đủ các bước theo quy định tại Điều 12, Điều 13, Điều 14, Điều 15 Nghị định số 102.

c) Tổ chức thẩm định giá thiết bị của Dự án

Trước khi thẩm định giá, ĐHĐN đã thành lập Hội đồng thẩm định Dự án (HĐTĐ) theo đề nghị của Trung tâm Thông tin Học liệu tại Tờ trình 36/TTHL ngày 19/7/2016.

---

[9] Thông báo số 2578/TB-ĐHĐN ngày 14/8/2017 Thông báo Kết luận của Giám đốc ĐHĐN tại cuộc họp triển khai Dự án đầu tư và nâng cấp hệ thống thư viện của Trung tâm Thông tin -Học liệu và các cơ sở giáo dục đại học thành viên thuộc ĐHĐN; Công văn số 2511/ĐHĐN-CSVC ngày 08/8/2017 về việc chuẩn bị cơ sở vật chất lắp đặt thiết bị hợp đồng kinh tế số 08-2017/HĐKT-TBTV; Danh sách họp ngày 07/6/2017 triển khai Dự án Mạng Thư viện ĐHĐN với các đơn vị liên quan (trong đó có đơn vị thụ hưởng là Trung tâm Thông tin - Học liệu và các cơ sở giáo dục đại học thành viên ĐHĐN); Danh sách họp ngày 04/10/2017 triển khai Dự án Mạng Thư viện ĐHĐN với các đơn vị liên quan (trong đó có đơn vị thụ hưởng là Trung tâm Thông tin - Học liệu và các cơ sở giáo dục đại học thành viên ĐHĐN); Công văn số 33/TTHL ngày 23/8/2017 của Trung tâm Thông tin - Học liệu ĐHĐN gửi các đơn vị cùng thụ hưởng là các các cơ sở giáo dục đại học thành viên ĐHĐN về việc cung cấp thông tin chi tiết về chính sách thư viện; Công văn số 44/TTHL ngày 25/10/2017 của Trung tâm Thông tin - Học liệu ĐHĐN gửi Văn phòng ĐHĐN đề nghị chuẩn bị mạng và điện cho lắp đặt máy tính đào tạo Dự án; Công văn số Số 47/TTHL ngày 27/10/2017 của Trung tâm Thông tin - Học liệu ĐHĐN gửi Văn phòng ĐHĐN và Ban Cơ sở vật chất ĐHĐN nghiên cứu, đề xuất việc chuẩn bị Hệ thống Mạng Thư viện ĐHĐN (đường truyền cho máy chủ và một số thiết bị liên quan).

[10] các dự án nhóm B, C chưa nằm trong kế hoạch ứng dụng CNTT được duyệt thì trước khi lập dự án phải có quyết định chủ trương đầu tư của người có thẩm quyền quyết định đầu tư.

[11] "e) Các dự án sử dụng toàn bộ vốn sự nghiệp có tính chất đầu tư không thuộc phạm vi điều chỉnh của Luật Đầu tư công, nên không yêu cầu thực hiện các quy định về lập, thẩm định, phê duyệt chủ trương đầu tư theo quy định này"

Theo đó, HĐTĐ Dự án xác định danh mục, đơn giá thiết bị dự kiến đầu tư cho Dự án. Trên cơ sở các báo giá về chi phí thẩm định giá của 03 đơn vị[12], ĐHĐN lựa chọn đơn vị thẩm định giá có chi phí thẩm định giá thấp nhất là Công ty Cổ phần Thẩm định giá Thế Kỷ (Công ty Thế Kỷ) tại Quyết định số 3783/QĐ-ĐHĐN ngày 04/7/2016 của Giám đốc ĐHĐN. ĐHĐN và Công ty Thế Kỷ đã ký kết hợp đồng thẩm định giá với giá trị hợp đồng là 44.035.262 đồng. Ngày 22/7/2016, Công ty Thế Kỷ phát hành Chứng thư thẩm định giá số B164438/CENVALUE-CTTĐ. Kiểm tra cho thấy quá trình tổ chức thẩm định giá còn một số tồn tại sau:

- Không có hồ sơ, tài liệu thể hiện ĐHĐN có văn bản gửi 03 đơn vị thẩm định giá là: Công ty Thế Kỷ, Công ty TNHH thẩm định giá và đại lý thuế Việt Nam, Công ty Cổ phần đầu tư và định giá AIC - Việt Nam về việc thực hiện thẩm định giá thiết bị của Dự án.

- Khi lựa chọn Công ty Thế Kỷ là đơn vị thẩm định giá theo hình thức chỉ định thầu rút gọn, ĐHĐN không thực hiện lập, thẩm định, phê duyệt dự toán gói thầu và kế hoạch lựa chọn nhà thầu (KHLCNT) làm căn cứ chỉ định thầu theo quy định tại khoản 1 Điều 33 Luật Đấu thầu năm 2013.

- Không thực hiện thương thảo hợp đồng trước khi chỉ định và không chuẩn bị, gửi dự thảo hợp đồng cho nhà thầu được chỉ định thầu theo quy trình chỉ định thầu rút gọn đã quy định tại điểm a, b khoản 2 Điều 56 Nghị định số 63.

- Đối với các cá nhân thực hiện thẩm định giá của Công ty Thế Kỷ: Có 03 người tham gia thẩm định giá, trong đó: 02 người đủ điều kiện; 01 người không đủ điều kiện tham gia thẩm định giá theo quy định tại Điểm c khoản 2 Điều 37 Luật Giá năm 2012.

- Về phát hành chứng thư thẩm định giá: Công ty Thế Kỷ phát hành Chứng thư thẩm định giá khi không có Báo cáo kết quả thẩm định giá là vi phạm quy trình thẩm định giá quy định tại khoản 6 Điều 30 Luật Giá năm 2012[13], vi phạm điểm b khoản 2 Điều 42 Luật Giá năm 2012[14].

- Về thanh toán hợp đồng thẩm định giá: ĐHĐN đã thanh toán cho Công ty Thế Kỷ số tiền theo hợp đồng là 44.035.262 đồng (giá trị đã phê duyệt tại Quyết định chỉ định thầu số 3783/QĐ-ĐHĐN ngày 04/7/2016). Tuy nhiên, khi kiểm toán, Đoàn Kiểm toán của Kiểm toán Nhà nước tại ĐHĐN chỉ chấp thuận kinh phí cho việc thẩm định giá là 34.585.414 đồng và có yêu cầu ĐHĐN nộp vào NSNN số tiền 9.449.848 đồng. Đến nay, ĐHĐN chưa thực hiện theo kiến nghị này của Kiểm toán Nhà nước.

---

[12] Công ty CP Thẩm định giá Thế Kỷ - CENVALUE (Công ty Thế kỷ), Công ty TNHH thẩm định giá và đại lý thuế Việt Nam, Công ty CP đầu tư và định giá AIC - Việt Nam.

[13] Quy trình thẩm định giá quy định phải: "Lập báo cáo kết quả thẩm định giá, chứng thư thẩm định giá và gửi cho khách hàng, các bên liên quan".

[14] Quy định nghĩa vụ của doanh nghiệp thẩm định giá: "Cung cấp Báo cáo kết quả thẩm định giá và Chứng thư thẩm định giá cho khách hàng và bên thứ ba sử dụng kết quả thẩm định giá theo hợp đồng thẩm định giá đã ký kết".

d) Tổ chức lập, thẩm định, phê duyệt Dự án (báo cáo nghiên cứu khả thi)

** Tổ chức lập và trình thẩm định Dự án*

- Việc lập Dự án do Trung tâm Thông tin Học liệu chủ trì phối hợp với Ban cơ sở vật chất thực hiện (trong đó, Trung tâm Thông tin Học liệu là đơn vị đề xuất nhu cầu Dự án) phù hợp với quy định tại khoản 1 Điều 16 Nghị định số 102[15].

- Trong quá trình lập Dự án, ngày 20/7/2016, Giám đốc ĐHĐN đã ban hành Quyết định số 4072/QĐ-ĐHĐN thành lập HĐTĐ Dự án (theo đề xuất của Trung tâm Thông tin Học liệu tại Tờ trình 36/TTHL ngày 19/7/2016) để xem xét, thẩm định các nội dung của Dự án trước khi trình Bộ GDĐT thẩm định, phê duyệt, trong đó có thẩm định về danh mục thiết bị và dự toán.

HĐTĐ Dự án gồm 05 người. HĐTĐ đã triển khai một số nội dung[16]; xác định tổng mức đầu tư của dự án là: 20.202.500.000 đồng (trong đó, kinh phí từ nguồn vốn NSNN là 20.000.000.000 đồng; kinh phí ĐHĐN đối ứng là 202.500.000 đồng). Thời gian thực hiện Dự án: Năm 2016 - 2017.

- Căn cứ Chứng thư thẩm định giá số B164438/CENVALUE-CTTĐ do Công ty Thế Kỷ phát hành ngày 22/7/2016 và ý kiến thẩm định của HĐTĐ, ĐHĐN hoàn thiện hồ sơ Dự án và trình Bộ GDĐT thẩm định, phê duyệt.

- Ngày 25/7/2016, ĐHĐN có Tờ trình số 4115/TTr-ĐHĐN trình Bộ GDĐT thẩm định và phê duyệt Dự án. Ngày 23/8/2016, Lãnh đạo Bộ ký Quyết định số 2934/QĐ-BGDĐT về việc Phê duyệt Dự án.

** Tổ chức thẩm định và phê duyệt Dự án*

Trên cơ sở hồ sơ Dự án do ĐHĐN lập[17], Bộ GDĐT đã thẩm định và phê duyệt Dự án (Quyết định số 2931/QĐ-BGDĐT ngày 23/8/2016). Theo đó, tổng dự toán được phê duyệt là 20.202.500.000 đồng (trong đó: nguồn NSNN bổ sung, Bộ GDĐT cấp 20.000.000.000 đồng, ĐHĐN đối ứng từ nguồn kinh phí của đơn vị là 202.500.000 đồng); Thời gian thực hiện Dự án: Năm 2016-2017.

3. Giai đoạn thực hiện đầu tư

---

[15] "Chủ đầu tư có trách nhiệm tổ chức lập Dự án khả thi ứng dụng công nghệ thông tin, Báo cáo nghiên cứu khả thi hoặc Báo cáo đầu tư và chịu trách nhiệm về các nội dung yêu cầu được đưa ra trong hồ sơ dự án.

Trường hợp cần thiết Chủ đầu tư có thể thuê các tổ chức, cá nhân có đủ năng lực, kinh nghiệm để lập dự án. Chi phí lập dự án được tính vào chi phí tư vấn đầu tư trong tổng mức đầu tư. Trường hợp dự án được lập đúng hợp đồng nhưng không đáp ứng được Mục tiêu đề ra của Chủ đầu tư thì Chủ đầu tư vẫn phải thanh toán phần đã nghiệm thu theo hợp đồng".

[16] Thống nhất danh mục cần đầu tư như đề nghị của Trung tâm Thông tin Học liệu; HĐTĐ yêu cầu Trung tâm Thông tin Học liệu bổ sung đầy đủ thông tin hiện trạng của Thư viện thành viên trong hệ thống thư viện chung của cả ĐHĐN; HĐTĐ yêu cầu Ban CSVC phối hợp Trung tâm Thông tin Học liệu tiến hành hoàn chỉnh thuyết minh Dự án để trình Bộ Giáo dục và Đào tạo phê duyệt; Cơ sở xác định chi phí thiết bị trong tổng mức đầu tư của dự án được xác định trên cơ sở chi phí thiết bị đã được thẩm định giá, phù hợp theo quy định về căn cứ xác định chi phí.

[17] Tờ trình số 4115/TTr-ĐHĐN ngày 25/7/2016 về việc xin phê duyệt Dự án đầu tư và nâng cấp Hệ thống thư viện của TTHL&TT và các cơ sở giáo dục đại học thành viên thuộc ĐHĐN.

a) Về Khảo sát bổ sung (nếu có) để lập thiết kế thi công; việc lập, thẩm định, phê duyệt thiết kế thi công - dự toán, tổng dự toán

- ĐHĐN không thực hiện khảo sát bổ sung để lập thiết kế thi công - dự toán, tổng dự toán là phù hợp theo quy định khoản 1 Điều 33 Nghị định số 102[18].

- Về lập, thẩm định, phê duyệt thiết kế thi công - dự toán, tổng dự toán: ĐHĐN không tổ chức thực hiện các công việc về lập, thẩm định, phê duyệt thiết kế thi công - dự toán là chưa phù hợp với quy định tại khoản 1 Điều 35 Nghị định số 102.

Tuy nhiên, khi xem xét nội dung, mục tiêu, tính chất Dự án cho thấy: Dự án chỉ thực hiện 01 gói thầu mua sắm thiết bị; hồ sơ phê duyệt Dự án có 01 hạng mục mua sắm thiết bị với danh mục và đơn giá thiết bị đã được xác định cụ thể; tổng mức đầu tư Dự án là tổng dự toán, bao gồm chi phí thiết bị và các chi phí tư vấn (chi phí thẩm định giá, chi phí tư vấn lập HSMT, thẩm định kết quả LCNT và chi phí kiểm toán); thành phần chi phí trong tổng mức đầu tư là cụ thể; Dự án chỉ mua sắm các thiết bị sử dụng độc lập và sử dụng được ngay (máy tính truy cập, phần mềm cài đặt trên máy chủ,...).

Quá trình thực hiện các công việc trong giai đoạn thực hiện đầu tư không có điều chỉnh thiết kế thi công - dự toán, tổng dự toán.

b) Điều chỉnh thời gian thực hiện Dự án

Ngày 13/11/2017, ĐHĐN có Tờ trình số 3831/TTr-ĐHĐN về việc xin gia hạn thời gian thực hiện Dự án đến năm 2018 (thay cho thời gian thực hiện Dự án là năm 2016-2017)[19]. Ngày 15/12/2017, Bộ GDĐT ban hành Quyết định số 5480/QĐ-BGDĐT về phê duyệt điều chỉnh thời gian thực hiện Dự án đến năm 2018.

c) Thực hiện hợp đồng cung cấp

- Tạm ứng hợp đồng: Theo điều khoản chung (ĐKC) 15.1 nêu tại Hợp đồng số 08-2017/HĐKT-TBTV ngày 19/4/2017 và Văn bản số 432/AIC-BQL&PTDA2 ngày 26/5/2017 của Công ty AIC (Bên B), ĐHĐN (Bên A) đã đồng ý cho bên B tạm ứng 50% giá trị hợp đồng, với điều kiện Nhà thầu AIC phải được Ngân hàng bảo lãnh.

Kiểm tra hồ sơ tạm ứng cho thấy có thể hiện: Ngân hàng TMCP Việt Nam Thịnh Vượng - VPBank đã bảo lãnh cho Nhà thầu AIC tạm ứng ngày 21/4/2017 (Số tham chiếu: MD1711100489) và Thư bảo lãnh sửa đổi ngày 14/9/2017. Như vậy, bên A và bên B đã thực hiện việc tạm ứng (50%) phù hợp với nội dung tại Hợp đồng

---

[18] "1. Thực hiện việc khảo sát bổ sung (nếu cần thiết) phục vụ lập thiết kế thi công và dự toán, tổng dự toán".

[19] Lý do: Quá trình thực hiện gói thầu cung cấp lắp đặt thiết bị tạm ngưng 1 khoảng thời gian từ ngày 25/6/2017 đến ngày 24/11/2017 để phục vụ công tác tuyển sinh đại học năm 2017-2018; Dữ liệu tài nguyên thư viện của các trường thành viên quá lớn và sử dụng nhiều phần mềm khác nhau nên cần thời gian nhiều hơn để thực hiện công việc chuyển đổi dữ liệu (Quá trình thực hiện gói thầu cung cấp lắp đặt thiết bị tạm ngưng 1 khoảng thời gian từ ngày 25/6/2017 đến ngày 24/11/2017 để phục vụ công tác tuyển sinh đại học năm 2017-2018; Dữ liệu tài nguyên thư viện của các trường thành viên quá lớn và sử dụng nhiều phần mềm khác nhau nên cần thời gian nhiều hơn để thực hiện công việc chuyển đổi dữ liệu).

số 08-2017/HĐKT-TBTV ngày 19/4/2017 đã ký (gọi tắt là HĐ08).

- Điều chỉnh thời gian thực hiện hợp đồng: Tại Phụ lục hợp đồng số 19/4/2017, Bên A và Bên B đã điều chỉnh về thời gian thực hiện 01 lần (từ 150 ngày lên 240 ngày) theo thời gian thực hiện Dự án đã được Bộ GDĐT phê duyệt điều chỉnh thời gian nêu tại Quyết định số 5480/QĐ-BGDĐT ngày 15/12/2017.

Việc điều chỉnh hợp đồng các bên có lập phụ lục hợp đồng và căn cứ trên cơ sở Dự án đã được người quyết định phê duyệt là phù hợp quy định tại khoản 6, khoản 7 Điều 67 Luật Đấu thầu năm năm 2013.

- Thanh, quyết toán hợp đồng: Căn cứ Biên bản ngày 26/12/2017 thanh lý HĐ08, ngày 15/12/2017 Chủ đầu tư đã thanh toán cho Nhà thầu 50% giá trị hợp đồng còn lại như đã ký. Ngày 26/12/2017, ĐHĐN và Công ty AIC có biên bản thanh lý hợp đồng và ngày 24/01/2018, đơn vị kiểm toán có Báo cáo kiểm toán độc lập quyết toán hoàn thành dự án.

4. Về giám sát, đánh giá đầu tư

ĐHĐN đã thực hiện báo cáo giám sát, đánh giá đầu tư theo quy định tại khoản 4 Điều 10 Nghị định 102[20].

III. TỔ CHỨC ĐẤU THẦU, LỰA CHỌN NHÀ THẦU

1. Lập, trình, thẩm định, phê duyệt kế hoạch lựa chọn nhà thầu

a) Việc lập, trình phê duyệt KHLCNT

Ngày 25/10/2016, ĐHĐN lập và trình Bộ GDĐT về việc xin phê duyệt KHLCNT (Tờ trình số 6249/TTr-ĐHĐN). Theo đó, có 01 gói thầu thiết bị là: "Gói thầu số 1: TBP01-Trang thiết bị và phần hệ phần mềm phục vụ quản lý thư viện"; 01 gói thầu tư vấn lập HSMT và thẩm định kết quả LCNT; 01 gói thầu kiểm toán Dự án. Các thông tin của gói thầu thiết bị gồm:

Giá gói thầu: 20.016.028.000 đồng; Hình thức LCNT: 01 giai đoạn, 02 túi hồ sơ; Phương thức đấu thầu: Đấu thầu rộng rãi (trực tiếp) trong nước; Hình thức hợp đồng: Hợp đồng trọn gói; Thời gian bắt đầu tổ chức LCNT: Quý 4/2016; Thời gian thực hiện hợp đồng: 150 ngày. Các nội dung này phù hợp theo quy định của pháp luật về đấu thầu mua sắm hàng hóa.

b) Thẩm định và phê duyệt KHLCNT

Căn cứ Tờ trình số 6249/TTr-ĐHĐN ngày 25/10/2016 của ĐHĐN, ngày 11/11/2016, Bộ GDĐT đã tiến hành thẩm định và có Báo cáo số 408/BCTĐ-CSVCTBTH về thẩm định KHLCNT. Ngày 24/11/2016, Bộ GDĐT đã ban hành Quyết định số 5584/QĐ-BGDĐT về phê duyệt KHLCNT của Dự án đảm bảo theo

---

[20] Năm 2016, Báo cáo giám sát, đánh giá đầu tư số 611/BC-ĐHĐN ngày 22/02/2017; Năm 2017, Báo cáo giám sát, đánh giá đầu tư số 605/BC-ĐHĐN ngày 09/02/2018.

quy định.

2. Lựa chọn các nhà thầu tư vấn đấu thầu

a) Lựa chọn nhà thầu tư vấn lập hồ sơ mời thầu (HSMT) và thẩm định kết quả lựa chọn nhà thầu đối với gói thầu thiết bị

Căn cứ kế hoạch LCNT được phê duyệt tại Quyết định số 5584/QĐ-BGDĐT ngày 24/11/2016 của Bộ trưởng Bộ GDĐT, Giám đốc ĐHĐN ban hành Quyết định số 6672/QĐ-ĐHĐN ngày 28/11/2016 phê duyệt chỉ định đơn vị tư vấn lập HSMT và thẩm định kết quả LCNT là Công ty TNHH Trường An Thái (Công ty Trường An Thái). Theo đó, ngày 25/11/2016, ĐHĐN và Công ty Trường An Thái thương thảo hợp đồng tư vấn lập HSMT và thẩm định kết quả LCNT; ngày 01/12/2016, ĐHĐN và Công ty Trường An Thái đã tiến hành ký kết thực hiện Hợp đồng số 63-HSMT/HĐKT-16 với tổng giá trị là 28 triệu đồng; thời gian thực hiện hợp đồng là 10 ngày (theo đúng KHLCNT đã được phê duyệt); Ngày 20/4/2017, hai bên đã tiến hành nghiệm thu và thanh lý hợp đồng gói thầu với tổng giá trị hợp đồng là 28 triệu đồng theo như hợp đồng đã ký.

Như vậy, ĐHĐN đã thực hiện đúng theo kế hoạch LCNT được Bộ GDĐT phê duyệt. Tuy nhiên, khi thực hiện quy trình chỉ định thầu rút gọn đối với Công ty Trường An Thái, ĐHĐN còn thiếu bước chuẩn bị và gửi dự thảo hợp đồng cho nhà thầu được dự kiến chỉ định thầu theo quy định tại điểm a khoản 2 Điều 56 Nghị định số 63[21].

b) Lựa chọn tổ chức, cá nhân thực hiện thẩm định hồ sơ mời thầu, đánh giá hồ sơ dự thầu (HSDT)

Ngày 06/01/2017, Giám đốc ĐHĐN ban hành Quyết định số 87/QĐ-ĐHĐN về việc thành lập Tổ chuyên gia tư vấn LCNT mua sắm trang thiết bị thuộc Dự án (Thẩm định HSMT và đánh giá HSDT) gồm 05 cá nhân thuộc ĐHĐN; trong đó, có 01 người[22] chưa có chứng chỉ bồi dưỡng nghiệp vụ về đấu thầu theo quy định tại khoản 1 Điều 16 Luật Đấu thầu năm 2013.

3. Tổ chức đấu thầu gói thầu thiết bị

a) Lập, thẩm định, trình, phê duyệt HSMT

** Lập HSMT*

HSMT được Công ty Trường An Thái thực hiện theo Quyết định số 6672/QĐ-ĐHĐN của Giám đốc ĐHĐN. Theo đó, ngày 01/12/2026 ĐHĐN và Công ty Trường

---

[21] "Bên mời thầu căn cứ vào mục tiêu, phạm vi công việc, dự toán được duyệt để chuẩn bị và gửi dự thảo hợp đồng cho nhà thầu được chủ đầu tư xác định có đủ năng lực và kinh nghiệm đáp ứng yêu cầu của gói thầu. Nội dung dự thảo hợp đồng bao gồm các yêu cầu về phạm vi, nội dung công việc cần thực hiện, thời gian thực hiện, chất lượng công việc cần đạt được, giá trị tương ứng và các nội dung cần thiết khác".

[22] Theo ĐHĐN giải trình: Việc cử 01 thành viên tham gia Tổ thẩm định HSMT và đánh giá HSDT với tư cách "chuyên gia" theo quy định tại khoản 4 Điều 116 Nghị định số 63 để có ý kiến sâu về chuyên môn cho các thành viên của Tổ thẩm định.

An Thái đã ký kết Hợp đồng với các nội dung và sản phẩm:

- Công ty Trường An Thái có 02 nhiệm vụ: (1) Giúp chủ đầu tư thực hiện công việc Lập HSMT, để chủ đầu tư xem xét phê duyệt hồ sơ mời thầu, tổ chức đấu thầu mua sắm thiết bị của dự án; (2) Giúp chủ đầu tư thẩm định kết quả LCNT theo quy định của pháp luật.

- Sản phẩm của hợp đồng là bản HSMT và bản Báo cáo thẩm định kết quả LCNT.

- Sau khi ký kết thực hiện hợp đồng, Công ty Trường An Thái đã lập HSMT cho chủ đầu tư trong thời hạn hợp đồng. Tuy nhiên, các bên không lập biên bản bàn giao sản phẩm hợp đồng là HSMT.

** Thẩm định HSMT*

Để thực hiện công việc thẩm định HSMT và đánh giá HSDT, ngày 06/01/2017 Giám đốc ĐHĐN ban hành Quyết định số 87/QĐ-ĐHĐN về việc thành lập Tổ chuyên gia tư vấn LCNT mua sắm trang thiết bị thuộc Dự án (Thẩm định HSMT và đánh giá HSDT) gồm 05 cá nhân[23] thuộc ĐHĐN. Tổ thẩm định có trách nhiệm thẩm định HSMT theo quy định.

Căn cứ HSMT do Công ty Trường An Thái lập, Tổ thẩm định HSMT theo Quyết định số 87/QĐ-ĐHĐN ĐHĐN đã tiến hành thẩm định. Ngày 06/12/2016, Tổ đã có Báo cáo số 35/TĐ-HSMT về kết quả thẩm định HSMT. Tuy nhiên, hình thức và nội dung báo cáo thẩm định chưa bảo đảm đầy đủ nội dung thông tin theo Mẫu số 02 ban hành kèm theo Thông tư số 19/2015/TT-BKHĐT ngày 27/11/2015 của Bộ Kế hoạch và Đầu tư.

** Trình phê duyệt HSMT:* Sau khi HSMT đã được thẩm định, ngày 13/12/2016 Ban CSVC thuộc ĐHĐN đã có tờ trình trình Giám đốc ĐHĐN phê duyệt HSMT theo quy định (Phiếu trình ngày 13/12/2016).

** Phê duyệt HSMT:* Trên cơ sở Báo cáo thẩm định HSMT và Tờ trình của Ban CSVC, Giám đốc ĐHĐN ban hành Quyết định số 6835/QĐ-ĐHĐN ngày 14/12/2016 phê duyệt HSMT gói thầu cung cấp lắp đặt thiết bị thuộc Dự án làm cơ sở tổ chức mời thầu theo quy định.

b) Thông báo mời thầu; phát hành HSMT; sửa đổi, làm rõ HSMT

- Thông báo mời thầu: Chủ đầu tư đã thực hiện thông báo mời thầu trên Báo Đấu thầu, Bộ KHĐT ngày 16/12/2016[24]. Việc thông báo mời thầu được thực hiện theo quy định của pháp luật.

- Phát hành HSMT, mở thầu, đóng thầu: HSMT đã được phát hành từ 08h30' ngày 12/01/2017. Mở thầu vào lúc 08h45' ngày 12/01/2017. Có Biên bản đóng thầu

---

[23] Ông Trần Thanh Hải Tùng, bà Phan Thị Thu Nga, ông Nguyễn Văn Hân, ông Huỳnh Văn Kỳ, ông Phan Quang Thành.
[24] Có sai sót về thông tin thời gian thực hiện gói thầu 180 ngày so với KHLCNT được duyệt là 150 ngày.

vào lúc 08h30' phút ngày 12/01/2017; theo đó ghi nhận có 05 đơn vị mua HSMT[25] (trong đó, có 03 nhà thầu nộp HSDT: Công ty Cổ phần Tiến bộ Quốc tế, Công ty Cổ phần Tư vấn Công nghệ Cao, Công ty Cổ phần Mô pha; 02 nhà thầu còn lại không nộp HSDT). Có Biên bản mở thầu vào lúc 08h45' ngày 12/01/2017 với thành phần đủ theo quy định.

- *Sửa đổi, làm rõ HSMT:* Quá trình phát hành HSMT không có sửa đổi, làm rõ HSMT.

c) Kiểm tra HSMT và các nội dung liên quan

- Tại Chỉ dẫn nhà thầu (CDNT) 16.3 Chương II. Bảng dữ liệu đấu thầu của HSMT (Trang 32) có nêu thời hạn sử dụng dự kiến của hàng hóa là 10 năm. Đối với các thiết bị chính, đặc thù của Dự án (thiết bị có đánh dấu * trong HSMT) như: Máy chủ, phần mềm, bộ lưu điện thì việc yêu cầu thời gian sử dụng 10 năm là phù hợp. Tuy nhiên, các thiết bị phổ biến như máy tính để bàn, tủ rack thì yêu cầu này là chưa phù hợp theo quy định tại Thông tư số 162/2014/TT-BTC ngày 06/11/2014 của Bộ Tài chính (thời gian sử dụng của máy vi tính để bàn là 05 năm).

- Tại CDNT 17.2 Chương II. Bảng dữ liệu đấu thầu của HSMT (Trang 32) có nêu yêu cầu tài liệu để chứng minh năng lực thực hiện hợp đồng như: *"Giấy phép bán hàng của nhà sản xuất hoặc giấy chứng nhận quan hệ đối tác hoặc tài liệu khác có giá trị tương đương"* đối với các hàng hóa chào thầu có quy định trong HSMT (dấu *). Việc quy định một số thiết bị đặc thù trong Dự án (có dấu *) như phần mềm quản lý thư viện, cổng an ninh thư viện...) với mục đích gắn trách nhiệm của nhà sản xuất trong việc cung cấp các dịch vụ sau bán hàng như bảo hành, bảo trì, sửa chữa, cung cấp phụ tùng, vật tư thay thế và các dịch vụ liên quan khác là cần thiết và phù hợp quy định tại khoản 2 Điều 6 Thông tư số 05/2015/TT-BKHĐT ngày 16/6/2015 của Bộ KHĐT.

Tuy nhiên, việc ghi chung 01 dòng tại cuối bảng danh mục (thiết bị có đánh dấu *) thay cho việc ghi kèm theo cụm từ "hoặc tương đương" ngay sau tên, nhãn hiệu từng thiết bị trong danh mục thiết bị mời thầu là không phù hợp quy định tại khoản 2, khoản 3 Điều 23 Nghị định số 63.

- Trong HSMT, tại *Chương V. Phạm vi cung cấp* có nêu tên hãng đối với hàng hóa chào thầu là Hệ điều hành Red Hat Enterprise Limux; nêu Model đối với các thiết bị: Máy chủ, SAN Switch 8 ports, Hệ thống lưu trữ dữ liệu; Máy tính để bàn; Bộ lưu điện 10KVA. Theo quy định, HSMT không được nêu cụ thể về nhãn hiệu, xuất xứ hàng hóa (điểm i, khoản 6 Điều 89 Luật đấu thầu 2013[26] và khoản 7 Điều 12

---

[25] 05 đơn vị mua HSMT gồm: Công ty CP Công nghệ Bình Minh, Công ty CP Tiến bộ Quốc tế, Công ty CP Tư vấn Công nghệ Cao, Công ty CP Mopha, Công ty CP Uy tín Toàn Cầu.

[26] "Nêu yêu cầu cụ thể về nhãn hiệu, xuất xứ hàng hóa trong hồ sơ mời thầu đối với gói thầu mua sắm hàng hóa, xây lắp hoặc gói thầu hỗn hợp khi áp dụng hình thức đấu thầu rộng rãi, đấu thầu hạn chế"

Nghị định số 63[27]). Trường hợp không thể mô tả chi tiết hàng hóa theo đặc tính kỹ thuật, thiết kế công nghệ, tiêu chuẩn công nghệ thì được nêu nhãn hiệu, catalô của một sản phẩm cụ thể để tham khảo, minh họa cho yêu cầu về kỹ thuật của hàng hóa nhưng phải ghi kèm theo cụm từ "hoặc tương đương" sau nhãn hiệu, catalô. Mặc dù trong HSMT, một số thiết bị nêu nhãn hiệu, xuất xứ (tên hãng) có ghi cụm từ "hoặc tương đương", nhưng không ghi ngay sau nhãn hiệu mà ghi chung tại 01 dòng cuối Bảng danh mục thiết bị.

d) Đánh giá hồ sơ dự thầu, thương thảo hợp đồng; thẩm định, phê duyệt kết quả lựa chọn nhà thầu và ký hợp đồng

** Đánh giá HSDT*

Ngày 24/02/2017, Công ty Trường An Thái có Báo cáo thẩm định kết quả đánh giá hồ sơ đề xuất kỹ thuật của 03 nhà thầu tham gia dự thầu. Theo đó, có 02 nhà thầu đạt các nội dung yêu cầu của HSMT (Công ty AIC và Công ty Cổ phần Mopha); 01 Công ty không đạt các nội dung yêu cầu HSMT (Công ty Cổ phần tư vấn Công nghệ Cao) với lý do không đáp ứng yêu cầu về năng lực, kinh nghiệm.

Kiểm tra các hồ sơ dự thầu đảm bảo theo các nội dung tại HSMT.

** Thương thảo hợp đồng:* Ngày 16/3/2017, Trường ĐHĐN và Công ty AIC ký Biên bản thương thảo hợp đồng với giá trị hợp đồng là 19.796.800.000 đồng.

** Thẩm định kết quả LCNT:* Đơn vị tư vấn đấu thầu có báo cáo thẩm định kết quả LCNT bảo đảm theo quy định.

** Phê duyệt kết quả LCNT:* Ngày 29/3/2017, Giám đốc ĐHĐN ký ban hành Quyết định số 1055/QĐ-ĐHĐN phê duyệt kết quả LCNT. Theo đó, Công ty AIC đã trúng thầu với giá là 19.796.800.000 đồng. Việc phê duyệt trên cơ sở báo cáo kết quả thẩm định kết quả LCNT là phù hợp quy định.

** Ký kết, thực hiện hợp đồng:* Ngày 19/4/2017, ĐHĐN và Công ty AIC ký hợp đồng số 08-2017/HĐKT-TBVT với giá trị hợp đồng là 19.796.800.000 đồng trên cơ sở kết quả LCNT được phê duyệt; thời gian thực hiện hợp đồng là 150 ngày là phù hợp.

IV. KẾT THÚC ĐẦU TƯ

1. Việc nghiệm thu, bàn giao

---

[27] HSMT không được nêu yêu cầu về nhãn hiệu, xuất xứ cụ thể của hàng hóa. Trường hợp không thể mô tả chi tiết hàng hóa theo đặc tính kỹ thuật, thiết kế công nghệ, tiêu chuẩn công nghệ thì được nêu nhãn hiệu, catalô của một sản phẩm cụ thể để tham khảo, minh họa cho yêu cầu về kỹ thuật của hàng hóa nhưng phải ghi kèm theo cụm từ "hoặc tương đương" sau nhãn hiệu, catalô.

Ngày 10/11/2017, Dự án đã được nghiệm thu kỹ thuật giữa Nhà thầu (Công ty AIC) và các đơn vị thụ hưởng thuộc ĐHĐN[28]; nghiệm thu bàn giao hoàn thành, đưa vào sử dụng ngày 15/12/2017 và thanh lý hợp đồng ngày 26/12/2017.

Tuy nhiên, trong các biên bản nghiệm thu, bàn giao không ghi rõ seri number của mỗi thiết bị; Nội dung Biên bản chưa đầy đủ theo mẫu tại Phụ lục 1 Thông tư 28/2010/TT-BTTTT ngày 13/12/2010 của Bộ TT&TT; còn thiếu biên bản lắp đặt thiết bị; không có Biên bản nghiệm thu kỹ thuật giữa Chủ đầu tư và Nhà thầu (giữa ĐHĐN và Công ty AIC), chỉ có các biên bản nghiệm thu kỹ thuật trực tiếp giữa nhà thầu (Công ty AIC) và các đơn vị sử dụng thuộc ĐHĐN.

Như vậy, trong giai đoạn kết thúc đầu tư, Chủ đầu tư nghiệm thu theo Nghị định số 46 và Thông tư số 26 là chưa bảo đảm theo trình tự, thủ tục quy định tại Nghị định số 102 và Thông tư số 28.

2. Việc kiểm toán, quyết toán

Khi kết thúc đầu tư, Dự án đã được kiểm toán độc lập và đã được Bộ GDĐT phê duyệt quyết toán dự án hoàn thành tại Quyết định số 2053/QĐ-BGDĐT ngày 19/7/2019. Giá trị thực hiện được quyết toán, ghi tăng tài sản là 19.884.800.000 đồng. Tài sản hình thành của Dự án đã được xác lập theo quy định.

3. Việc vận hành, khai thác, đào tạo, chuyển giao công nghệ và hướng dẫn sử dụng

Hệ thống quản lý thư viện mới, hiện đại cho nên công tác chuẩn hóa biên mục tài liệu đã có sẵn đã được triển khai trong quá trình tiếp nhận phần mềm quản lý trước khi vận hành hệ thống chính thức. Quá trình khai thác, sử dụng: Nhà cung cấp đã tổ chức bồi dưỡng cho các thủ thư của các thư viện thành viên để có thể khai thác vận hành đồng bộ toàn hệ thống. Trong quá trình lắp đặt, ĐHĐN giao cho 03 đơn vị trực tiếp theo dõi: (1) TTHL&TT chịu trách nhiệm theo dõi, kiểm tra, phối hợp với các thư viện của các đơn vị thành viên và tiếp nhận Phần mềm và các thiết bị (máy tính) lắp đặt tại thư viện của các đơn vị thành viên; Công tác đào tạo thủ thư vận hành hệ thống; (2) Tổ Quản trị mạng chịu trách nhiệm theo dõi, kiểm tra hệ thống Máy chủ (Server) lắp đặt tại Phòng máy chủ ĐHĐN; (3) Ban Cơ sở vật chất quản lý hợp đồng và theo dõi chung.

Sau khi tất cả các thiết bị chạy thử đạt yêu cầu theo các điều kiện, tính năng đã nêu trong hợp đồng và người sử dụng thì các bên tiến hành nghiệm thu kỹ thuật. Đại diện các thư viện thành viên ký nghiệm thu cho phần thiết bị và hướng dẫn vận hành của từng thư viện. Trên cơ sở đó, ĐHĐN tiến hành nghiệm thu hoàn thành và bàn giao chính thức hệ thống cho đơn vị quản lý (TTHL&TT) khai thác sử dụng.

---

[28] Nhà thầu "Công ty Cổ phần Tiến bộ Quốc tế" đã ký Biên bản bàn giao kỹ thuật với các đơn vị thụ hưởng bao gồm: "Trung tâm Thông tin - Học liệu và Truyền thông" ngày 10/11/2017; Trường ĐHSP, ĐHĐN ngày 10/11/2017; Khoa Y Dược, ĐHĐN ngày 10/11/2017; Trường ĐH Bách Khoa, ĐHĐN ngày 10/11/2017; Trường ĐH Kinh tế, ĐHĐN ngày 10/11/2017; Trường ĐHSPKT, ĐHĐN ngày 10/11/2017; Trường CĐ Công nghệ Thông tin, ĐHĐN ngày 10/11/2017; Trường ĐH Ngoại ngữ, ĐHĐN ngày 10/11/2017.

4. Về bảo hành sản phẩm

Sau khi nghiệm thu hoàn thành và bàn giao hệ thống cho đơn vị sử dụng đưa vào sử dụng. Trong quá trình sử dụng, nếu có vấn đề hư hỏng hay lỗi phần mềm thì đơn vị cung cấp hỗ trợ trực tiếp (trực tuyến) để hiệu chỉnh (thiết bị có hư hỏng hoặc bị sự cố thì nhà thầu tiến hành bảo hành theo quy định của hợp đồng.

V. HIỆU QUẢ CỦA DỰ ÁN KHI ĐƯA VÀO SỬ DỤNG

Dự án được triển khai từ năm 2016, đến tháng 12/2017 Dự án đã được bàn giao cho các đơn vị thuộc ĐHĐN thụ hưởng và bắt đầu sử dụng với mục đích thiết lập mạng thư viện ĐHĐN kết nối, chia sẻ các nguồn tài nguyên thư viện, học liệu giữa các cơ sở giáo dục thành viên, đơn vị đào tạo trực thuộc.

1. Giai đoạn trước năm 2017 (khi chưa có Dự án)

Trước năm 2017, chỉ có Trung tâm Thông tin Học liệu (ngày nay là TTHL&TT) thuộc ĐHĐN là đơn vị duy nhất sở hữu hệ thống CNTT được trang bị từ các nguồn dự án trung tâm học liệu do tổ chức Atlantic Philanthropies tài trợ và tổ chức Đông Tây Hội Ngộ, Đại học Quốc tế RMIT Việt Nam triển khai. Trong khi đó, hạ tầng CSVC, thiết bị CNTT của thư viện các trường đại học thành viên thuộc ĐHĐN chưa được đầu tư thích đáng, tương ứng với quy mô phát triển của nhà trường. Do đó, các sản phẩm, dịch vụ thông tin và hoạt động tác nghiệp trên nền tảng ứng dụng CNTT còn hạn chế và thiếu đồng bộ. Chỉ có 3 trong số 10 đơn vị sử dụng các phần mềm quản lý thư viện được phát triển bởi các nhà cung cấp chuyên nghiệp như Lạc Việt và CMC. Một số thư viện sử dụng phần mềm tự phát triển hoặc chỉ phục vụ đơn thuần theo dạng thủ công, truyền thống. Nhiều phần mềm được các thư viện thuộc các trường đại học thành viên sử dụng do cán bộ, giảng viên nhà trường tự phát triển do đó còn đơn giản và chưa đáp ứng đầy đủ các yêu cầu kỹ thuật về chuẩn giao thức trao đổi dữ liệu, biểu ghi đọc máy, ... Hệ thống tra cứu thư mục trực tuyến - OPAC chưa phổ biến; các sản phẩm, dịch vụ thông tin, tiện ích hỗ trợ người dùng tin còn sơ sài về hình thức, nội dung. Không có sự kết nối trong các hoạt động CNTT giữa các thư viện trong hệ thống. Nguyên nhân do chưa có hệ thống quản lý thư viện tập trung.

2. Giai đoạn từ năm 2018 đến năm 2023 (đưa Dự án vào sử dụng)

Kể từ khi Dự án được đưa vào sử dụng, đã trang bị phần cứng gồm Hệ thống các máy chủ (server), máy chủ sao lưu (storage system) và các máy tính nối mạng truy cập dữ liệu và được cài đặt phần mềm quản trị thư viện (Aleph) và giao diện tra cứu (Primo). Phần mềm có các phân hệ, chức năng cơ bản như: Biên mục tài liệu, Lưu thông tài liệu, Bổ sung tài liệu, Báo cáo ARC… với cơ sở dữ liệu (CSDL) Oracle chạy trên Hệ điều hành Linux của nhà cung cấp Ex Libris (Israel).

Các đơn vị thụ hưởng bao gồm: TTHL&TT (trước là Trung tâm Thông tin Học liệu) và các cơ sở giáo dục đại học thành viên thuộc ĐHĐN[29]. Kiểm tra xác suất việc tiếp nhận, sử dụng trang thiết bị, phần mềm của Dự án tại TTHL&TT, Thư viện Trường ĐH Bách khoa, Thư viện Trường ĐH Kinh tế cho thấy:

- Tại thời điểm kiểm tra, các thiết bị (Máy tính) và phần mềm đã được các đơn vị thụ hưởng nhận đầy đủ theo Hợp đồng và Biên bản nghiệm thu Kỹ thuật.

- Sau hơn 06 năm đưa vào khai thác Dự án, tình hình khai thác, sử dụng Mạng Thư viện ĐHĐN tại các đơn vị được phân quyền, phối hợp khai thác dùng chung diễn ra bình thường, ổn định. Mạng Thư viện liên tục hoạt động (24/24 trừ một số thời điểm phải tạm ngắt một số phân hệ phục vụ công tác bảo trì, back up dữ liệu) phục vụ nhu cầu tìm kiếm, truy cập các nguồn tài liệu, CSDL trên hệ thống của bạn đọc/người dùng tin cũng như nhu cầu quản lý, bổ sung, cập nhật, lưu trữ, phát triển tài nguyên học liệu của các thư viện, trung tâm học liệu trong toàn ĐHĐN.

- Năng lực khai thác, ứng dụng các phần mềm của đội ngũ cán bộ thư viện, IT của các đơn vị thuộc ĐHĐN được cải thiện. Trung tâm TTHL&TT từng bước làm chủ năng lực đầu mối quản trị hệ thống và dần thay thế đơn vị tư vấn dịch vụ hướng dẫn kỹ thuật cho các cán bộ thư viện, IT của các đơn vị trong ĐHĐN. Mạng Thư viện ĐHĐN đã hỗ trợ tăng cường công tác số hoá, cập nhật bổ sung các nguồn tài liệu số, CSDL nội sinh (từ nguồn luận văn, luận án, báo cáo tổng kết đề tài khoa học công nghệ của ĐHĐN), cơ bản kết nối với các nguồn CSDL quốc tế[30].

- Mạng Thư viện ĐHĐN đã góp phần nâng cao chất lượng đào tạo và nghiên cứu khoa học, từng bước cải thiện các tiêu chí về bảo đảm chất lượng, kiểm định giáo dục và xếp hạng ĐH[31]; phù hợp với chiến lược chuyển đổi số Quốc gia.

- Tính đến ngày 31/12/2023: Số lượng tài liệu là 742.800; Số lượng người dùng là 182.549; 297.457 lượt mượn tài liệu; 201.859 lượt trả tài liệu; 43.111.785 lượt truy cập Web OPAC.

Tuy nhiên, sau 06 năm đưa vào sử dụng, phần mềm vẫn hoạt động bình thường nhưng còn chưa liên thông để chia sẻ nguồn tài nguyên giữa các đơn vị ngoài ĐHĐN với ĐHĐN và ngược lại do chưa thống nhất, thỏa thuận được về chính sách giữa các đơn vị bên ngoài với ĐHĐN; một số máy tính được thụ hưởng tại các đơn vị đã bị

---

[29] Trường ĐH Bách khoa, Trường ĐH Kinh tế, Trường ĐH Sư phạm, Trường ĐH Ngoại ngữ, Trường ĐH Sư phạm Kỹ thuật, Trường Cao đẳng Công nghệ thông tin nay là Trường ĐH Công nghệ TT&TT Việt-Hàn, Khoa Y - Dược ĐHĐN; sau mở rộng thêm Viện Nghiên cứu và Đào tạo Việt - Anh, Phân hiệu ĐHĐN tại Kon Tum và Trung tâm Đào tạo Thường xuyên cùng khai thác, sử dụng chung.

[30] Năm 2022, ĐHĐN đã tham gia Liên hợp Thư viện và được Cục Thông tin Khoa học Công nghệ Quốc gia, Bộ Khoa học Công nghệ cấp quyền khai thác, chia sẻ sử dụng chung cho cán bộ, giảng viên và người học của ĐHĐN được truy cập các CSDL quốc tế Science Direct, Proquest Central và các CSDL quốc gia.

[31] 01 trường ĐH thành viên đạt chuẩn chất lượng giáo dục quốc tế theo chuẩn Châu Âu HCERES; 04/06 trường ĐH thành viên đã kiểm định, được công nhận đạt chuẩn chất lượng cơ sở giáo dục quốc gia chu kỳ 1, 02 trường ĐH thành viên đã kiểm định, được công nhận đạt chất lượng chu kỳ 2; một số chương trình đào tạo được kiểm định đạt chuẩn quốc gia, quốc tế AUN-QA, CTI.

hư hỏng và các đơn vị phải tự thay thế để sử dụng (Theo Chỉ dẫn nhà thầu 16.3 Chương II. Bảng dữ liệu đấu thầu của HSMT, Trang 32 có nêu: Thời hạn sử dụng dự kiến của hàng hóa là 10 năm).

C. KẾT LUẬN

I. NHỮNG VIỆC ĐÃ LÀM ĐƯỢC

Quá trình triển khai đã ban hành quyết định thành lập các bộ phận, tổ để tham mưu, thẩm định hồ sơ, triển khai các bước theo quy định và trình cấp có thẩm quyền (Bộ GDĐT) xin ý kiến, quyết định phê duyệt.

Tiến độ Dự án bảo đảm thời gian được Bộ GDĐT phê duyệt; việc đưa trang thiết bị, phần mềm của dự án vào khai thác, sử dụng đến nay giúp cán bộ, viên chức, sinh viên, học viên thuận lợi thuận lợi hơn trong việc tra cứu tài liệu phục vụ giảng dạy, học tập và nghiên cứu góp phần nâng cao chất lượng đào tạo, nghiên cứu của đại học nói chung và các trường thành viên nói riêng; với phạm vi, quy mô kết nối của hệ thống thư viện được nâng cấp phù hợp với chiến lược chuyển đổi số Quốc gia mà Chính phủ đang triển khai. Đến nay, đã tham gia Liên hiệp Thư viện và được Cục Thông tin Khoa học Công nghệ Quốc gia, Bộ Khoa học Công nghệ cấp bản quyền khai thác, chia sẻ, sử dụng và truy cập các CSDL quốc tế Science Direct, Proquest Central và các CSDL quốc gia; Qua kết quả kiểm định và công nhận của các tổ chức: Có 01 trường ĐH thành viên đạt chuẩn chất lượng giáo dục quốc tế theo chuẩn Châu Âu HCERES; 04/06 trường ĐH thành viên được công nhận đạt chuẩn chất lượng cơ sở giáo dục quốc gia chu kỳ 1, 02 trường ĐH thành viên được công nhận đạt chất lượng chu kỳ 2 và có một số chương trình đào tạo được kiểm định đạt chuẩn quốc gia, quốc tế AUN-QA, CTI theo tiếu chí về hoạt động thư viện, trung tâm học liệu và phát triển các nguồn tài nguyên số.

II. HẠN CHẾ, THIẾU SÓT, VI PHẠM

Bên cạnh những kết quả đạt được, kết quả triển khai Dự án còn có những hạn chế, thiếu sót, vi phạm:

1. Hạn chế, thiếu sót

a) Việc khảo sát, đánh giá hiện trạng và nhu cầu thực tế của đơn vị thụ hưởng: Chưa thực hiện bảo đảm đầy đủ các bước theo quy định tại Điều 12, Điều 13, Điều 14, Điều 15 Nghị định số 102.

b) Lựa chọn các nhà thầu tư vấn đấu thầu

Thực hiện quy trình chỉ định thầu rút gọn đối với Công ty Trường An Thái còn thiếu bước chuẩn bị và gửi dự thảo hợp đồng cho nhà thầu được dự kiến chỉ định thầu theo quy định tại điểm a khoản 2 Điều 56 Nghị định số 63[32].

---

[32] "Bên mời thầu căn cứ vào mục tiêu, phạm vi công việc, dự toán được duyệt để chuẩn bị và gửi dự thảo hợp đồng cho nhà thầu được chủ đầu tư xác định có đủ năng lực và kinh nghiệm đáp ứng yêu cầu của gói thầu. Nội dung dự thảo

c) Tổ chức thẩm định giá thiết bị của Dự án

Có 01 nhân sự của nhà thầu thẩm định giá (Công ty Thế Kỷ) không có tên trong danh sách thẩm định viên về giá theo Thông báo số 19/TB-BTC ngày 08/01/2016 của Bộ Tài chính về việc công bố danh sách doanh nghiệp thẩm định giá, chi nhánh doanh nghiệp thẩm định giá và thẩm định viên về giá đủ điều kiện hành nghề thẩm định giá tài sản năm 2016.

d) Thẩm định HSMT

Tổ thẩm định HSMT có báo cáo thẩm định số 35/TĐ-HSMT ngày 06/12/2016 còn sơ sài, chưa bảo đảm đầy đủ nội dung thông tin theo Mẫu số 02 ban hành kèm theo Thông tư số 19/2015/TT-BKHĐT ngày 27/11/2015 của Bộ KHĐT.

đ) Về HSMT

- HSMT yêu cầu thời gian sử dụng 10 năm đối với hàng hóa như Máy tính để bàn, tủ rack là chưa phù hợp quy định về thời hạn sử dụng tại Thông tư số 162/2014/TT-BTC ngày 06/11/2014 của Bộ Tài chính (Phụ lục 1).

- Việc yêu cầu giấy phép bán hàng đối với hàng hóa được xem là không đặc thù, phức tạp như máy tính là chưa phù hợp; chỉ dẫn yêu cầu giấy phép bán hàng của nhà sản xuất trong HSMT không thể hiện rõ theo từng thiết bị mời thầu, mà ghi chung tại 01 dòng cuối Bảng danh mục thiết bị mời thầu là chưa đúng quy định tại khoản 2, khoản 3 Điều 23 Nghị định số 63.

- Tại Chương V. Phạm vi cung cấp, nêu tên hãng đối với hàng hóa chào thầu là Hệ điều hành Red Hat Enterprise Limux; nêu Model đối với các thiết bị: Máy chủ, SAN Switch 8 ports, Hệ thống lưu trữ dữ liệu; Máy tính để bàn; Bộ lưu điện 10KVA nhưng không kèm theo cụm từ *"Tương đương"* sau tên các thiết bị, mà chỉ nêu chung tại 01 dòng cuối Bảng danh mục là chưa phù hợp quy định tại khoản 7 Điều 23 Nghị định số 63.

e) Nghiệm thu, bàn giao

Trong các biên bản nghiệm thu, bàn giao không ghi rõ seri number của mỗi thiết bị; Nội dung Biên bản chưa đầy đủ theo mẫu tại Phụ lục 1 Thông tư 28/2010/TT-BTTTT của Bộ TT&TT; còn thiếu biên bản lắp đặt thiết bị; không có Biên bản nghiệm thu kỹ thuật giữa Chủ đầu tư và Nhà thầu (ĐHĐN và Công ty AIC), chỉ có các biên bản nghiệm thu kỹ thuật trực tiếp giữa nhà thầu (Công ty AIC) và các đơn vị sử dụng thuộc ĐHĐN.

2. Vi phạm

a) Việc áp dụng văn bản

---

hợp đồng bao gồm các yêu cầu về phạm vi, nội dung công việc cần thực hiện, thời gian thực hiện, chất lượng công việc cần đạt được, giá trị tương ứng và các nội dung cần thiết khác".

- *Văn bản trong việc tổ chức đầu tư*: Tại thời điểm triển khai thực hiện Dự án, ĐHĐN áp dụng Luật Đầu tư công năm 2014, Nghị định số 136 để thực hiện Dự án CNTT là không đúng tính chất của Dự án, dẫn đến nhiều nội dung được triển khai phần đầu tư của Dự án vi phạm Nghị định số 102.

- *Văn bản trong nghiệm thu dự án*: Tại thời điểm tổ chức nghiệm thu Dự án kết thúc, ĐHĐN áp dụng Nghị định số 46 và Thông tư số 26 là vi phạm quy định nêu tại Nghị định số 102 và Thông tư số 28.

b) Việc tổ chức đầu tư

- *Về công tác quản lý dự án:* Không có văn bản cụ thể việc phân công cho các cá nhân, đơn vị phụ trách thực hiện quản lý Dự án theo quy định tại khoản 2 Điều 56 Nghị định số 102.

- *Giai đoạn chuẩn bị đầu tư:* Không thực hiện các công việc lập, phê duyệt nhiệm vụ khảo sát; lập, phê duyệt Báo cáo kết quả khảo sát (Biên bản nghiệm thu kết quả khảo sát) là vi phạm quy định tại Điều 12, Điều 13, Điều 14, Điều 15 Nghị định số 102.

- *Tổ chức thẩm định giá thiết bị của Dự án:* Việc tổ chức LCNT thẩm định giá theo hình thức chỉ định thầu rút gọn nhưng ĐHĐN không thực hiện lập, thẩm định, phê duyệt dự toán gói thầu và kế hoạch LCNT làm căn cứ chỉ định thầu là vi phạm quy định tại khoản 1 Điều 33 Luật Đấu thầu năm 2013.

- *Về ký kết hợp đồng:* Không thực hiện thương thảo hợp đồng trước khi chỉ định và không chuẩn bị, gửi dự thảo hợp đồng cho nhà thầu được chỉ định thầu là vi phạm khoản 2 Điều 56 Nghị định số 63.

- *Về Chứng thư thẩm định giá:* Công ty Thế Kỷ phát hành Chứng thư thẩm định giá nhưng không có Báo cáo kết quả thẩm định giá và phát hành Chứng thư thẩm định giá được ký bởi người không phải thẩm định viên về giá là vi phạm quy trình thẩm định giá quy định tại khoản 6 Điều 30 và điểm b khoản 2 Điều 42 Luật Giá năm 2012; vi phạm quy định tại điểm b khoản 4 Điều 18[33] và điểm b khoản 9 Điều 18[34] Nghị định số 109/2013/NĐ-CP ngày 24/9/2013 của Chính phủ quy định xử phạt vi phạm hành chính trong lĩnh vực quản lý giá, phí, lệ phí, hóa đơn.

c) Thực hiện đầu tư

Không tổ chức thực hiện các công việc về lập, thẩm định, phê duyệt thiết kế thi công - dự toán là vi phạm quy định tại khoản 1 Điều 35 Nghị định 102.

III. NGUYÊN NHÂN, TRÁCH NHIỆM

---

[33] Phạt tiền từ 20.000.000 đồng đến 30.000.000 đồng đối với vi "Phát hành Chứng thư thẩm định giá hoặc Báo cáo thẩm định giá không có đủ các thông tin cơ bản theo hướng dẫn tại Tiêu chuẩn thẩm định giá Việt Nam".

[34] Quy định "Phạt tiền từ 100.000.000 đồng đến 120.000.000 đồng" đối với hành vi "Phát hành chứng thư thẩm định giá hoặc báo cáo kết quả thẩm định giá được ký bởi người không phải thẩm định viên về giá đăng ký hành nghề thẩm định giá tại doanh nghiệp thẩm định giá tại thời điểm phát hành".

1. Nguyên nhân

Nguyên nhân để xảy ra những hạn chế, thiếu sót, sai phạm (nêu trên) do một số đơn vị, cá nhân tham mưu việc triển khai Dự án không cập nhật văn bản bản quy định pháp luật liên quan kịp thời; đồng thời còn nhiều hạn chế về năng lực, chuyên môn, hiểu biết quy định pháp luật.

2. Trách nhiệm

a) Trách nhiệm về những hạn chế, thiếu sót nêu trên thuộc tập thể lãnh đạo ĐHĐN và lãnh đạo ĐHĐN được giao nhiệm vụ trực tiếp; các bộ phận tham mưu và cá nhân được giao nhiệm vụ tham gia vào các khâu của Dự án giai đoạn 2016-2018.

b) Trách nhiệm về những vi phạm nêu trên thuộc tập thể lãnh đạo ĐHĐN và lãnh đạo ĐHĐN được giao nhiệm vụ trực tiếp; các bộ phận tham mưu và cá nhân được giao nhiệm vụ tham gia vào các khâu của Dự án giai đoạn 2016-2018.

D. CÁC BIỆN PHÁP XỬ LÝ THEO THẨM QUYỀN ĐÃ ÁP DỤNG

Không.

Đ. KIẾN NGHỊ CÁC BIỆN PHÁP XỬ LÝ

I. ĐỐI VỚI ĐẠI HỌC ĐÀ NẴNG

1. Hội đồng Đại học

- Xem xét trách nhiệm đối với các nhân được giao nhiệm vụ chỉ đạo, giám sát và thực hiện các nhiệm vụ liên quan đối với dự án, giai đoạn 2016-2018 theo thẩm quyền.

- Giám sát, yêu cầu Giám đốc ĐHĐN triển khai việc tổ chức kiểm điểm trách nhiệm đối với tập thể, các nhân có liên quan tới hạn chế, thiếu sót, vi phạm theo thẩm quyền; tổ chức khắc phục, thực hiện các nội dung kết luận, kiến nghị nêu tại Kết luận thanh tra.

- Chỉ đạo Hội đồng Trường các Trường thành viên thực hiện quyền giám sát theo quy định của pháp luật.

Kết quả báo cáo Bộ GDĐT (qua Thanh tra, Văn phòng Ban cán sự Đảng, Vụ Tổ chức cán bộ), sau thời gian ban hành kết luận 30 ngày.

2. Giám đốc Đại học

a) Tổ chức kiểm điểm

Theo thẩm quyền tổ chức và chỉ đạo một số nội dung:

Kiểm điểm rút kinh nghiệm đối với tập thể, cá nhân liên quan đến những hạn chế, thiếu sót của dự án giai đoạn 2016-2018 nêu tại Mục C.II.1 Kết luận này; kiểm điểm trách nhiệm đối với tập thể, cá nhân liên quan đến những hành vi vi phạm của

Dự án giai đoạn 2016-2018 nêu tại Mục C.II.2 Kết luận này. Tùy theo mức độ vi phạm có hình thức kỷ luật cụ thể theo quy định pháp luật hiện hành.

Kết quả báo cáo Bộ GDĐT (qua Thanh tra, Vụ Tổ chức cán bộ), sau thời gian ban hành kết luận 30 ngày.

b) Một số kiến nghị liên quan đến nội dung kết luận

- Lựa chọn cán bộ, viên chức tham gia vào triển khai các dự án phải am hiểu quy định pháp luật, có năng lực, trình độ chuyên môn, tiêu chuẩn phù hợp theo quy định.

- Chỉ đạo các đơn vị thuộc, trực thuộc Đại học: Rà soát các thiết bị, phần mềm được Dự án trang bị để có biện pháp sửa chữa, nâng cấp, thay mới (nếu cần) bảo đảm hiệu quả khai thác được liên tục; Rà soát toàn diện các dự án đang triển khai tại ĐHĐN, các Trường ĐH Thành viên để kịp thời khắc phục, không để sai sót, thiệt hại đáng tiếc xảy ra.

- Tăng cường phối hợp với các đơn vị trong và ngoài nước để kết nối chung vào hệ thống thư viện, nhằm tăng nguồn dữ liệu cho hệ thống thư viện của ĐH, nâng cao hiệu suất sử dụng và sớm đạt được mục tiêu chiến lược đã đề trong Dự án.

- Tăng cường công tác thanh tra, kiểm tra: Hằng năm xây dựng, triển khai kế hoạch thanh tra, kiểm tra về công tác quản lý, điều hành của các đơn vị thành viên (có dấu và tài khoản riêng), các đơn vị được giao triển khai các dự án liên quan.

- Thực hiện theo kiến nghị của Kiểm toán Nhà nước: nộp vào NSNN số tiền 9.449.848 đồng.

Kết quả thực hiện các nội dung nêu trên, có Báo cáo về Bộ GDĐT (qua Thanh tra, Vụ Kế hoạch- Tài chính, Vụ Cơ sở vật chất), sau thời gian ban hành kết luận 30 ngày.

II. CÁC ĐƠN VỊ VÀ TRƯỜNG THÀNH VIÊN THUỘC ĐHĐN

1. Tổ chức kiểm điểm trách nhiệm tập thể, cá nhân liên quan đến hạn chế, thiếu sót, vi phạm (nếu có);

2. Chủ động rà soát các thiết bị, phần mềm được Dự án trang bị để sửa chữa, nâng cấp, thay mới (nếu cần) bảo đảm hiệu quả, khai thác được liên tục.

3. Phối hợp với đơn vị đầu mối quản lý chung hệ thống thư viện của Đại học để tiếp tục mở rộng kết nối với hệ thống thư viên của các đơn vị trong và ngoài nước, nhằm tăng nguồn dữ liệu, nâng cao hiệu suất sử dụng và sớm đạt được mục tiêu chiến lược của Dự án.

4. Tăng cường công tác thanh tra, kiểm tra nội bộ theo định hướng của ĐHĐN, nhu cầu quản lý của đơn vị (nếu có).

Kết quả thực hiện các nội dung nêu trên, có Báo cáo về ĐHĐN (qua ban Thanh tra- Pháp chế và các Ban liên quan), sau thời gian ban hành kết luận 30 ngày.

III. KIẾN NGHỊ BỘ TRƯỞNG BỘ GDĐT GIAO

1. Vụ Tổ chức cán bộ

a) Tham mưu Bộ trưởng có văn bản chỉ đạo ĐHĐN làm rõ trách nhiệm của Hội đồng Đại học, Ban Giám đốc và cá nhân có liên quan đến hạn chế, thiếu sót, vi phạm trong việc triển khai thực hiện Dự án giai đoạn 2016-2018 thuộc thẩm quyền của Bộ trưởng để kiểm điểm trách nhiệm nhiệm, xử lý kỷ luật (nếu có).

b) Hướng dẫn ĐHĐN rà soát và tổ chức kiểm trách nhiệm đối với các tập thể, cá nhân được giao thực hiện dự án giai đoạn 2016-2018, có liên quan đến hạn chế, thiếu sót, đặc biệt nội dung vi phạm (khi ĐHĐN yêu cầu).

Kết quả triển khai các nội dung nêu trên, có Báo cáo về Thanh tra sau thời gian ban hành kết luận 30 ngày.

2. Vụ Kế hoạch - Tài chính và Vụ Cơ sở vật chất

- Tiếp tục tham mưu lãnh đạo Bộ có văn bản chỉ đạo các đơn vị trực thuộc Bộ tổ chức triển khai các dự án bảo đảm đúng quy định.

- Tăng cường bồi dưỡng, tập huấn để nâng cao trình độ, chuyên môn cho đội ngũ viên chức quản lý dự án (làm Chủ đầu tư), đội ngũ viên chức tham gia các khâu triển khai của Dự án.

- Tiếp tục tăng cường công tác kiểm tra đối với các dự án thuộc thẩm quyền quản lý.

Kết quả triển khai các nội dung nêu trên, có báo cáo về lãnh đạo Bộ (qua Thanh tra để tổng hợp) sau thời gian ban hành kết luận 30 ngày.

3. Thanh tra

- Theo dõi, đôn đốc, kiểm tra việc thực hiện các kiến nghị tại Kết luận thanh tra này; tổng hợp kết quả theo dõi, đôn đốc việc thực hiện Kết luận thanh tra để báo cáo lãnh đạo Bộ theo quy định.

- Các đơn vị hoàn thành việc báo cáo Bộ trưởng theo các kiến nghị trên (qua Thanh tra) trước sau 30 ngày kể từ ngày Kết luận thanh tra được công khai./.

Nơi nhận:
- Bộ trưởng (để báo cáo);
- Các Thứ trưởng (để báo cáo);
- ĐH Đà Nẵng và các đơn vị thành viên (để thực hiện);
- Vụ TCCB, Vụ KHTC, Vụ CSVC (gửi sau khi công khai Kết luận thanh tra qua E-office);
- Lưu: VT, Hồ sơ đoàn thanh tra, (Chính-15 bản) (được phép sao chụp sau khi công khai).

CHÁNH THANH TRA

CỘNG HOÀ X.H.C.N VIỆT NAM ★ THANH TRA VIỆT NAM ★ THANH TRA BỘ GIÁO DỤC VÀ ĐÀO TẠO

Nguyễn Đức Cường